

Biểu mẫu 20

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	685	2	46	86	481	39	x	x	545	98	42
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	607	2	46	80	411	37	x	x	474	91	42
a	Khối ngành III	119	2	21	25	58	13	x	x	86	10	23
b	Khối ngành V	301	0	17	46	207	31	x	x	232	58	11
c	Khối ngành VII	187	0	8	9	146	24	x	x	156	23	8
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	78	0	0	6	70	2	x	x	71	7	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
Khối ngành III						
1	Mai Khắc Thành	1977	Nam	Giảng viên chính	TS	Tổ chức và Quản lý vận tải
2	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1977	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Quản trị kinh doanh
3	Hồ Mạnh Tuyển	1976	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế và quản lý
4	Phạm Văn Tân	1984	Nam	Giảng viên	TS	Luật Hàng hải
5	Nguyễn Thành Lê	1979	Nam	Giảng viên	TS	Luật
6	Lương Thị Kim Dung	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Luật quốc tế và so sánh
7	Phạm Thanh Tân	1961	Nam	Giảng viên	ĐH	Luật
8	Trần Gia Ninh	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Luật
9	Bùi Hưng Nguyên	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Luật kinh tế

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
10	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Luật kinh tế
11	Trịnh Thị Thu Thảo	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Luật kinh tế
12	Hoàng Thị Hồng Hạnh	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Luật Quốc tế
13	Nguyễn Đình Thúy Hường	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Luật Châu âu
14	Nguyễn Lê Kim Phúc	1996	Nữ	Giảng viên	ĐH	Luật Hàng hải
15	Bùi Thị Thanh Nga	1981	Nữ	Giảng viên	TS	Tổ chức và quản lý vận tải, TS Kinh tế học
16	Đỗ Việt Thanh	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
17	Lê Thị Quỳnh Hương	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị kinh doanh
18	Nguyễn Văn Hùng	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế đối ngoại
19	Trần Hải Việt	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
20	Lê Thành Luân	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
21	Đoàn Trọng Hiếu	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
22	Nguyễn Thị Thu Hương	1992	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh doanh quốc tế
23	Nguyễn Quỳnh Trang	1992	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị Tài chính - Kế toán
24	Lương Thị Kim Oanh	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế ngoại thương
25	Huỳnh Tất Minh	1993	Nam	Giảng viên	ĐH	Kinh tế ngoại thương
26	Đoàn Thị Thu Hằng	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Chính trị quốc tế
27	Nguyễn Trà My	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế đối ngoại
28	Nguyễn Thị Phương Thảo	1995	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế ngoại thương
29	Quản Thị Thùy Dương	1993	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh doanh quốc tế
30	Nguyễn Minh Đức	1985	Nam	Giảng viên	TS	Logistics Quốc tế
31	Tô Văn Tuấn	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế tài chính-ngân hàng
32	Đào Văn Thi	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế tài chính-ngân hàng
33	Lê Thanh Phương	1981	Nam	Giảng viên	TS	Kinh tế Tài chính ngân hàng
34	Nguyễn Viết Hoàng Sơn	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Chính sách và luật hàng hải
35	Vũ Thị Như Quỳnh	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tài chính
36	Hoàng Thị Hồng Lan	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế phát triển
37	Phạm Thu Trang	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngân hàng và Tài chính Quốc tế
38	Đoàn Thu Hương	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế học doanh nghiệp và tài chính
39	Đỗ Mạnh Toàn	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Tài chính và ngân hàng quốc tế
40	Đỗ Cẩm Nhung	1994	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tài chính
41	Nguyễn Minh Trang	1992	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kế toán
42	Phùng Mạnh Trung	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế tài chính-ngân hàng
43	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
44	Đặng Thùy Dương	1992	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị Tài chính - Kế toán
45	Nguyễn Thị Hoa	1986	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế đối ngoại
46	Bùi Thị Phuong	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kế toán
47	Trần Thị Huyền	1989	Nữ	Giảng viên	ĐH	Cử nhân Tài chính ngân hàng
48	Đinh Thị Thu Ngân	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tài chính - Ngân hàng
49	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kế toán
50	Lê Chiến Thắng	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Quản trị kinh doanh
51	Phạm Cao Hoàng Nam	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Tài chính - Ngân hàng
52	Hoàng Thị Thúy Phuong	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
53	Nguyễn Thị Phương Mai	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản lý kinh tế
54	Đỗ Thị Bích Ngọc	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế phát triển
55	Phạm Thị Thùy Vân	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị và Marketing
56	Đặng Việt Linh	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Thu Quỳnh	1990	Nữ	Giảng viên	ĐH	Quản trị kinh doanh
58	Nguyễn Đức Tâm	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Quản trị kinh doanh
59	Lê Hồng Nhung	1991	Nữ	Giảng viên	ĐH	Quản trị Kinh doanh
60	Phan Thị Minh Châu	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế đầu tư
61	Lương Công Nhơ	1958	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Thiết bị năng lượng tàu biển
62	Phạm Xuân Dương	1969	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	P.Tích H.Thống Đ.Khiển và X.lý T.Tin
63	Lê Quốc Tiến	1972	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	An toàn hàng hải
64	Đinh Anh Tuấn	1978	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động
65	Trần Sinh Biên	1971	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Hệ thống đo lường và đào tạo
66	Lê Viết Lượng	1956	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Thiết bị năng lượng
67	Lê Văn Học	1960	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động điều khiển
68	Đỗ Đức Lưu	1962	Nam	Giảng viên cao cấp	TSKH	Máy tàu biển
69	Đặng Văn Uy	1952	Nam	Giảng viên cao cấp	TSKH	Điều khiển học
70	Nguyễn Khắc Khiêm	1970	Nam	Giảng viên chính	TS	Tự động hóa
71	Phạm Tâm Thành	1980	Nam	Giảng viên chính	TS	Điều khiển và tự động hóa
72	Đặng Văn Tuấn	1956	Nam	Giảng viên chính	TS	Thiết bị năng lượng tàu thủy
73	Khiếu Hữu Triển	1960	Nam	Giảng viên chính	TS	Thiết bị năng lượng tàu thủy
74	Nguyễn Cảnh Toàn	1976	Nam	Giảng viên	TS	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
75	Nguyễn Thanh Sơn	1976	Nam	Giảng viên	TS	Phân tích hệ thống và xử lý thông tin
76	Nguyễn Tuấn Anh	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
77	Đặng Hồng Hải	1975	Nam	Giảng viên	TS	Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp
78	Trần Ngọc Tú	1983	Nam	Giảng viên	TS	Thiết kế và kết cấu thân tàu thủy
79	Hoàng Mạnh Cường	1978	Nam	Giảng viên	TS	Cơ học
80	Vũ Văn Duy	1979	Nam	Giảng viên	TS	Máy thủy khí
81	Phạm Văn Thuần	1975	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Các nghiên cứu ứng dụng môi trường hàng hải
82	Nguyễn Hồng Vân	1971	Nữ	Giảng viên cao cấp	TS	Tổ chức và quản lý vận tải
83	Đinh Xuân Mạnh	1957	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Phân tích hệ thống và xử lý thông tin
84	Nguyễn Đại An	1958	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Thiết bị năng lượng tàu thủy
85	Trần Hồng Hà	1974	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Hàng hải
86	Dương Văn Bạo	1961	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tổ chức và quản lý SX vận tải
87	Đỗ Thị Mai Thơm	1970	Nữ	Giảng viên cao cấp	TS	Tổ chức và quản lý vận tải
88	Nguyễn Kim Phương	1974	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Khai thác VT thủy, hàng hải
89	Nguyễn Văn Sơn	1961	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Kinh tế vận tải biển
90	Nguyễn Minh Đức	1981	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Khoa học CNHH ứng dụng môi trường
91	Phạm Kỳ Quang	1974	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động hóa và điều khiển...
92	Nguyễn Viết Thành	1961	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Điều khiển
93	Trần Văn Lượng	1980	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Hệ thống hàng hải
94	Nguyễn Công Vịnh	1972	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Điều khiển tự động
95	Nguyễn Thái Dương	1967	Nam	Giảng viên chính	TS	Khoa học Hàng hải
96	Đỗ Ngọc Toàn	1962	Nam	Giảng viên chính	TS	Phân tích hệ thống, điều khiển và xử lý thông tin
97	Nguyễn Hữu Hùng	1961	Nam	Giảng viên chính	TS	Kinh tế
98	Nguyễn Thanh Sơn	1974	Nam	Giảng viên	TS	Bảo đảm ATHH và ĐKTB
99	Hà Nam Ninh	1974	Nam	Giảng viên	TS	NC môi trường HH ứng dụng
100	Nguyễn Văn Sướng	1987	Nam	Giảng viên	TS	An toàn hàng hải
101	Nguyễn Bá Thắng	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
102	Đỗ Công Hoan	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
103	Nguyễn Tuấn Anh	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
104	Phan Văn Hưng	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
105	Đỗ Văn Cường	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
106	Nguyễn Văn Trường	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
107	Vũ Đăng Thái	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
108	Vũ Việt Dũng	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Hàng hải
109	Nguyễn Kim Bảo	1983	Nam	Giảng viên	TS	Khoa học Hàng hải
110	Nguyễn Tuấn Anh	1981	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật
111	Nguyễn Minh Đức	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác máy tàu biển
112	Phạm Thị Phương Mai	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
113	Nguyễn Thị Liên	1978	Nữ	Giảng viên	TS	Tổ chức và quản lý vận tải
114	Nguyễn Thị Liên	1966	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
115	Hoàng Thị Phương Lan	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
116	Lê Trang Nhung	1975	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
117	Nguyễn Thị Thu Hà	1971	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
118	Phạm Ngọc Thanh	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế vận tải
119	Đỗ Thanh Tùng	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế vận tải
Khối ngành V						
1	Trần Xuân Việt	1958	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Kỹ thuật điện tử
2	Lê Quốc Vượng	1957	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Điện tử viễn thông
3	Trần Anh Dũng	1970	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Hệ thống kỹ thuật
4	Hoàng Đức Tuấn	1974	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Điện
5	Hoàng Xuân Bình	1957	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động hóa
6	Đào Minh Quân	1976	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Các nhà máy điện và động cơ
7	Đỗ Quang Khải	1972	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Đóng tàu
8	Lê Anh Tuấn	1980	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Cơ khí
9	Đào Ngọc Biên	1965	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Chế tạo máy
10	Đào Văn Tuấn	1963	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Công trình thủy
11	Hà Xuân Chuẩn	1961	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Công trình thủy
12	Hoàng Văn Thủy	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Đóng tàu
13	Phạm Trọng Tài	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tử viễn thông
14	Phạm Huy Tùng	1980	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
15	Nguyễn Văn Thương	1964	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
16	Nguyễn Anh Việt	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Máy tàu thủy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
17	Phạm Quốc Việt	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
18	Nguyễn Ngọc Hoàng	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
19	Hoàng Đức Tuấn	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
20	Quản Trọng Hùng	1955	Nam	Giảng viên chính	TS	Chế tạo máy
21	Nguyễn Hồng Phúc	1955	Nam	Giảng viên chính	TS	Khai thác bảo trì tàu thủy
22	Nguyễn Phương Lâm	1971	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tử viễn thông
23	Ngô Xuân Hường	1963	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tử viễn thông
24	Nguyễn Ngọc Sơn	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tử viễn thông
25	Phan Đăng Đào	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tự động
26	Trần Thị Phương Thảo	1976	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Tự động điện
27	Hứa Xuân Long	1971	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tự động
28	Đỗ Văn A	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tự động
29	Nguyễn Tất Dũng	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Tự động hóa
30	Tổng Lâm Tùng	1966	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tự động
31	Lưu Kim Thành	1954	Nam	Giảng viên chính	TS	Tự động hóa
32	Nguyễn Văn Võ	1971	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
33	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	1979	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
34	Lê Hồng Bang	1954	Nam	Giảng viên chính	TS	Chế tạo máy
35	Nguyễn Văn Hân	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Đóng tàu
36	Lê Văn Hạnh	1960	Nam	Giảng viên chính	TS	Đóng tàu
37	Nguyễn Thị Hải Hà	1983	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Đóng tàu
38	Phạm Đức	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
39	Nguyễn Lan Hương	1970	Nữ	Giảng viên chính	TS	Khai thác, bảo trì tàu thủy
40	Mai Tuyết Lê	1964	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
41	Nguyễn Thị Thu Lê	1971	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
42	Nguyễn Tiến Dũng	1980	Nam	Giảng viên chính	TS	Công nghệ cơ khí

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
43	Lê Văn Cương	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
44	Trần Thị Thanh Vân	1979	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
45	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	Giảng viên chính	TS	Công trình thủy
46	Đoàn Thế Mạnh	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Công trình thủy
47	Nguyễn Văn Ngọc	1955	Nam	Giảng viên chính	TS	Công trình thủy
48	Phạm Văn Thứ	1954	Nam	Giảng viên chính	TS	Công trình cảng
49	Nguyễn Văn Thủy	1960	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Đảm bảo toán cho máy tính
50	Nguyễn Hạnh Phúc	1978	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Công nghệ thông tin
51	Vũ Quyết Thắng	1966	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
52	Vũ Thị Tiết Hạnh	1971	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Đóng tàu
53	Nguyễn Hồng Mai	1964	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng
54	Nguyễn Thị Mai Hạnh	1970	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Đóng tàu thủy
55	Bùi Đình Hoàn	1976	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Công nghệ môi trường
56	Trần Hữu Long	1980	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Công nghệ môi trường
57	Trần Anh Tuấn	1980	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Công nghệ môi trường
58	Phạm Thị Dương	1980	Nữ	Giảng viên chính	TS	Hóa môi trường
59	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1980	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Hóa kỹ thuật
60	Phạm Thị Hoa	1979	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Hóa hữu cơ
61	Ngô Kim Định	1956	Nam	Giảng viên chính	TS	Hóa học
62	Phạm Văn Phước	1961	Nam	Giảng viên chính	TS	Điện tử-viễn thông
63	Nguyễn Văn Duy	1969	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Máy tàu thủy
64	Nguyễn Thanh Phong	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Máy tàu biển
65	Trần Đỗ Mát	1964	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Điện tử viễn thông
66	Thái Hoàng Yên	1960	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kỹ thuật công trình biển
67	Phạm Ngọc Tuyền	1960	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
68	Nguyễn Vương Thịnh	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Hệ thống thông tin
69	Phạm Đức Toàn	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
70	Đặng Hoàng Anh	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
71	Nguyễn Anh Xuân	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
72	Vũ Minh Ngọc	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
73	Trương Công Mỹ	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
74	Nguyễn Thế Cường	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
75	Trần Thế Nam	1980	Nam	Giảng viên	TS	Khai thác, bảo trì tàu thủy
76	Nguyễn Đình Thạch	1971	Nam	Giảng viên	TS	Khoa học Hàng hải
77	Cao Đức Thiệp	1972	Nam	Giảng viên	TS	Cơ học kết cấu tàu thủy
78	Đỗ Văn Đoàn	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
79	Đỗ Thị Hiền	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
80	Bùi Thị Hằng	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
81	Phan Trung Kiên	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
82	Lê Đình Dũng	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
83	Phạm Văn Việt	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
84	Phạm Đình Bá	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
85	Trương Tiến Phát	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
86	Lưu Quang Hiệu	1986	Nam	Giảng viên	TS	Khoa học Kỹ thuật
87	Phạm Việt Hưng	1980	Nam	Giảng viên	TS	Điện tử viễn thông
88	Trương Thanh Bình	1962	Nam	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật điện tử
89	Nguyễn Mạnh Cường	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật điện tử
90	Bùi Đình Thịnh	1974	Nam	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật T.Tin L.Lạc và VTD tử
91	Vũ Văn Rực	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật T.Tin L.Lạc và VTD tử
92	Nguyễn Thanh Vân	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật điện tử
93	Lưu Quang Hưng	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật điện tử
94	Dương Thọ Minh	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật điện tử
95	Nguyễn Thanh Vân	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
96	Nguyễn Hữu Quyền	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
97	Đoàn Hữu Khánh	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật điện
98	Nguyễn Ngọc Đức	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật Điện, điện tử
99	Nguyễn Hùng Cường	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật điện
100	Vũ Ngọc Minh	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hoá
101	Nguyễn Đình Thạt	1980	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật điện
102	Trần Tiến Lương	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
103	Phạm Thị Hồng Anh	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tự động hoá
104	Đoàn Văn Tuấn	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hoá
105	Nguyễn Văn Tiến	1986	Nam	Giảng viên	TS	Điều khiển và tự động hóa
106	Phạm Đức Cường	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
107	Phạm Văn Toàn	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
108	Vũ Thị Thu	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
109	Đỗ Thị Chang	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Điện tử viễn thông
110	Vương Đức Phúc	1981	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật điều khiển và Điện tử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
111	Lê Văn Tâm	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
112	Đỗ Khắc Tiệp	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
113	Phạm Thị Thanh Hải	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
114	Hoàng Trung Thục	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
115	Đồng Đức Tuấn	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học kỹ thuật tàu thủy
116	Vũ Minh Quân	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu thủy và kỹ thuật đại dương
117	Bùi Thị Ngọc Mai	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật
118	Nguyễn Mạnh Chiến	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
119	Nguyễn Gia Thắng	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu
120	Đoàn Văn Tuyền	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
121	Đỗ Quang Quận	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
122	Vũ Văn Tuyền	1984	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật tàu thủy và công trình đại dương
123	Cù Huy Chính	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
124	Lê Thanh Bình	1981	Nam	Giảng viên	TS	Thiết kế và đóng tàu thủy
125	Bùi Sỹ Hoàng	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
126	Vũ Tuấn Anh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
127	Nguyễn Minh Vũ	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
128	Nguyễn Tiến Công	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
129	Nguyễn Thị Hà Phương	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu và kỹ thuật hải dương
130	Hoàng Thị Mai Linh	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu thủy
131	Bùi Thanh Danh	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Đóng tàu và công trình ngoài khơi
132	Phạm Thị Yến	1975	Nữ	Giảng viên	Th.S	Thiết bị năng lượng
133	Nguyễn Thị Xuân Hương	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Thiết bị năng lượng
134	Bùi Thị Diệu Thúy	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Thiết bị năng lượng
135	Lê Thị Minh Phương	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Thiết bị năng lượng
136	Lưu Quang Khanh	1980	Nam	Giảng viên	TS	Khai thác, bảo trì tàu thủy
137	Hoàng Quốc Đông	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Máy xếp dỡ
138	Vũ Văn Tập	1992	Nam	Giảng viên	Th.S	Vận hành các thiết bị năng lượng tàu thủy
139	Nguyễn Văn Hoàn	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
140	Phạm Hoàng Anh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Máy và thiết bị tàu thủy
141	Lê Trí Hiếu	1989	Nam	Giảng viên	ĐH	Máy tàu thủy
142	Trần Xuân Thế	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật ô tô
143	Lê Đình Nghiêm	1993	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật cơ khí
144	Bùi Hồng Vũ	1992	Nam	Giảng viên	Th.S	Vận hành các thiết bị năng lượng tàu thủy
145	Thắm Bội Châu	1964	Nam	Giảng viên	TS	Khai thác hệ động lực tàu thủy
146	Dương Xuân Quang	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Máy và thiết bị tàu thủy
147	Đinh Phi Trường	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Máy tàu thủy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
148	Nguyễn Mạnh Chiêu	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật và công nghệ
149	Đặng Văn Trường	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
150	Nguyễn Đức Bình	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ đóng tàu và kỹ thuật công trình ngoài khơi
151	Nguyễn Hoàng Hải	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tự động
152	Phan Văn Dương	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Cơ điện tử
153	Nguyễn Đức Sang	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Cơ điện tử
154	Nguyễn Đình Khiêm	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hóa
155	Cao Ngọc Vi	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
156	Hoàng Văn Nam	1984	Nam	Giảng viên	TS	Cơ học kỹ thuật
157	Nguyễn Hữu Đạt	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Chế tạo máy
158	Nguyễn Mạnh Nền	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
159	Vũ Thị Thu Trang	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật cơ khí
160	Nguyễn Chí Công	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật máy và thiết bị thủy khí
161	Trần Tuấn Anh	1992	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật cơ khí
162	Phạm Văn Duyên	1988	Nam	Giảng viên	ĐH	Đóng tàu thủy
163	Phạm Ngọc Ánh	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật cơ khí
164	Nguyễn Dương Nam	1985	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật vật liệu
165	Lê Thị Nhung	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
166	Đỗ Tất Mạnh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu thủy
167	Nguyễn Văn Hải	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy
168	Nguyễn Tùng Lâm	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Máy xếp dỡ
169	Nguyễn Hoàng	1984	Nam	Giảng viên	TS	Công trình thủy
170	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
171	Phạm Thị Ngà	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
172	Phạm Văn Khôi	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
173	Nguyễn Thị Diễm Chi	1980	Nữ	Giảng viên	TS	Công trình thủy
174	Đặng Văn Hải	1994	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng công trình thủy
175	Trần Khánh Toàn	1979	Nam	Giảng viên	TS	Cơ học cao cấp
176	Trần Đức Phú	1984	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật đại dương
177	Nguyễn Trọng Khuê	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Công trình thủy
178	Đỗ Hồng Quân	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
179	Lê Sỹ Xinh	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
180	Nguyễn Thị Hồng	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật trắc địa
181	Phạm Minh Châu	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm AT hàng hải
182	Nguyễn Quang Huy	1993	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật an toàn Hàng hải
183	Trần Thị Chang	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật an toàn Hàng hải
184	Bùi Quốc Bình	1973	Nam	Giảng viên	TS	Khoa học vật liệu
185	Lê Thị Lệ	1975	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
186	Vũ Thị Chi	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng Công trình thủy
187	Phạm Quốc Hoàn	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
188	Vũ Hữu Trường	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật hơi nước - Kỹ thuật miền ven biển và phát triển cảng biển.
189	Đỗ Thị Minh Trang	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
190	Phạm Văn Sỹ	1982	Nam	Giảng viên	TS	Cơ khí và vật liệu ứng dụng
191	Nguyễn Trọng Khôi	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng Công trình thủy
192	Nguyễn Tiến Thành	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	X. dựng công trình dân dụng & CN
193	Phạm Thị Hải Yến	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Địa kỹ thuật
194	Vũ Văn Huyền	1984	Nam	Giảng viên	TS	Khoa học kỹ thuật
195	Vũ Thị Khánh Chi	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy
196	Thái Hoàng Phương	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
197	Đỗ Quang Thành	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp
198	Đoàn Thị Hồng Nhung	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật XD Công trình DD và CN
199	Nguyễn Thanh Tùng	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp
200	Nguyễn Xuân Hòa	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp
201	Nguyễn Văn Ninh	1986	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
202	Phạm Ngọc Vương	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình DD&CN
203	Trần Văn Tùng	1990	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
204	Ngô Việt Anh	1993	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
205	Trần Văn Bôn	1994	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
206	Nguyễn Phan Anh	1980	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật cầu, đường và các công trình vượt sông
207	Trần Ngọc An	1982	Nam	Giảng viên	TS	Cơ học
208	Nguyễn Hoàng Lâm	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng cầu hầm
209	Đoàn Như Sơn	1984	Nam	Giảng viên	ĐH	Xây dựng Cầu đường
210	Vũ Quang Việt	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình giao thông (Xây dựng cầu hầm)
211	Phạm Văn Toàn	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng cầu hầm
212	Nguyễn Quyết Thành	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Xây dựng cầu hầm
213	Phạm Thị Ly	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng đường bộ
214	Phạm Văn Trung	1979	Nam	Giảng viên	TS	Công trình thủy
215	Nguyễn Xuân Thịnh	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm AT hàng hải
216	Nguyễn Xuân Lộc	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Kiến trúc
217	Lê Văn Cường	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Kiến trúc
218	Nguyễn Thiện Thành	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kiến trúc
219	Nguyễn Gia Khánh	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Kiến trúc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
220	Nguyễn Văn Minh	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Kiến trúc
221	Nguyễn Trọng Đức	1975	Nam	Giảng viên	TS	Quang học và tần số vô tuyến
222	Ngô Quốc Vinh	1970	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
223	Phạm Trung Minh	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
224	Vũ Đình Trung	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
225	Nguyễn Hữu Tuấn	1980	Nam	Giảng viên	TS	Công nghệ thông tin
226	Nguyễn Duy Trường Giang	1981	Nam	Giảng viên	TS	Phân tích hệ thống, quản lý và xử lý thông tin.
227	Phạm Tuấn Đạt	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
228	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tin học
229	Trần Thị Hương	1983	Nữ	Giảng viên	TS	Công nghệ thông tin
230	Lê Bá Dũng	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ và khoa học máy tính
231	Nguyễn Trung Đức	1980	Nam	Giảng viên	TS	Công nghệ thông tin
232	Lê Trí Thành	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Hệ thống thông tin
233	Lê Thế Anh	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Hệ thống thông tin
234	Trần Đình Vương	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
235	Lê Quyết Tiến	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
236	Bùi Đình Vũ	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
237	Nguyễn Thị Vân	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Khoa học máy tính
238	Nguyễn Thị Như	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ phần mềm
239	Cao Đức Hạnh	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
240	Trần Đăng Hoan	1977	Nam	Giảng viên	TS	Tin
241	Nguyễn Thành Tuấn Anh	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
242	Nguyễn Trung Quân	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Kỹ thuật điện tử, Truyền thông
243	Phạm Ngọc Duy	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
244	Hồ Thị Hương Thơm	1978	Nữ	Giảng viên	TS	Công nghệ thông tin
245	Trịnh Thị Ngọc Hương	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
246	Nguyễn Kim Anh	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
247	Võ Văn Thường	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Hệ thống thông tin
248	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ thông tin
249	Lê Thị Mai	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công trình thủy
250	Đỗ Thị Lam	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vỏ tàu thủy
251	Hoàng Văn Thành	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Kĩ thuật động cơ đốt trong
252	Phạm Tiến Huy	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
253	Vũ Anh Tuấn	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
254	Nguyễn Văn Thừa	1960	Nam	Giảng viên	ĐH	Công trình thủy
255	Phạm Thị Thanh	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu thủy
256	Nguyễn Hải Yến	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Xây dựng công trình thủy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
257	Đào Văn Lập	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
258	Trần Bảo Ngọc Hà	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật cơ khí
259	Vũ Thị Phương Thảo	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Cơ học kỹ thuật
260	Lê Thị Thùy Dương	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật tàu thủy
261	Đinh Thị Thúy Hằng	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ môi trường
262	Bùi Thị Thu Hà	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ môi trường
263	Nguyễn Hoàng Yến	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ môi trường
264	Nguyễn Xuân Sang	1983	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật môi trường
265	Trương Văn Tuấn	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Công nghệ môi trường
266	Bùi Thị Thanh Loan	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật môi trường
267	Nguyễn Thị Thư	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Thẩm định môi trường
268	Nguyễn Thị Tâm	1991	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kỹ Thuật Môi trường
269	Nguyễn Thị Thúy Nhung	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quan trắc môi trường
270	Nguyễn Thị Như Ngọc	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Công nghệ môi trường
271	Nguyễn Thị Thùy Linh	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kỹ Thuật Môi trường
272	Nguyễn Thị Nương	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kỹ Thuật Môi trường
273	Nguyễn Thị Thu	1995	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kỹ Thuật Môi trường
274	Phạm Tiến Dũng	1975	Nam	Giảng viên	TS	Hoá học
275	Vũ Minh Trọng	1973	Nam	Giảng viên	TS	Hóa lý thuyết và hóa lý
276	Nguyễn Thị Hồng Vân	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Hóa
277	Trương Thị Hạnh	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Hoá học
278	Nguyễn Thị Như	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Hóa học
279	Ngô Thị Hồng Nga	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Hóa lý thuyết và hóa lý
280	Tạ Thị Lương	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Công nghệ hóa học
281	Võ Hoàng Tùng	1983	Nam	Giảng viên	TS	Công nghệ sinh học
282	Trần Long Giang	1975	Nam	Giảng viên	TS	Công trình thủy
283	Trần Văn Dịch	1962	Nam	Giảng viên	Th.S	Đóng tàu
284	Nguyễn Đức Hậu	1960	Nam	Giảng viên	ĐH	Vỏ tàu thủy
285	Nguyễn Tất Vinh	1960	Nam	Giảng viên	ĐH	MTT
286	Hứa Duy Sơn	1958	Nam	Giảng viên	ĐH	Vỏ tàu thủy
287	Nguyễn Văn Hành	1969	Nam	Giảng viên	ĐH	Máy xếp dỡ
288	Dương Mạnh Cường	1959	Nam	Giảng viên	ĐH	Chế tạo máy
289	Hoàng Đình Sang	1962	Nam	Giảng viên	ĐH	Máy tàu thủy
290	Phạm Việt Dũng	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Tự động hoá
291	Nguyễn Đại Việt	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Công trình thủy
292	Nguyễn Mạnh Cường	1963	Nam	Giảng viên chính	TS	Điều khiển tự động
293	Nguyễn Trí Minh	1961	Nam	Giảng viên chính	TS	Phân tích hệ thống, điều khiển và xử lý thông tin
294	Hoàng Văn Thủy	1963	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
295	Nguyễn Thanh Tùng	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
296	Lê Hồng Hải	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Động cơ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
297	Vũ Anh Tuấn	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
298	Nguyễn Văn Tiến	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
299	Phạm Thị Yến	1987	Nữ	Giảng viên	TS	Quản trị Logistics
300	Lê Thị Minh Phương	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
301	Đặng Đình Tuấn	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
Khối ngành VII						
1	Đoàn Thị Phương Thảo	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế ngoại thương
2	Bùi Thị Thùy Linh	1990	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị toàn cầu-Quản trị chuỗi cung ứng
3	Phạm Văn Huy	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
4	Phạm Thị Bích Vân	1992	Nữ	Giảng viên	ĐH	Toàn cầu hóa và thương mại VTB
5	Trương Thị Như Hà	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
6	Lê Sơn Tùng	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
7	Hoàng Bảo Trung	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Tài chính và Đầu tư
8	Trần Ngọc Hưng	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức quản lý tài
9	Nguyễn Phong Nhã	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
10	Vũ Thanh Trung	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế phát triển
11	Bùi Hải Đăng	1992	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
12	Trần Văn Anh	1992	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế Hải Quan
13	Hàn Huyền Hương	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế quốc tế
14	Vũ Lê Huy	1986	Nam	Giảng viên	ĐH	Kinh tế ngoại thương
15	Nguyễn Thị Lê Hằng	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị kinh doanh
16	Phạm Thị Mai Phương	1993	Nữ	Giảng viên	Đh	Kinh tế ngoại thương
17	Nguyễn Mạnh Thường	1964	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Thiết bị năng lượng
18	Lê Văn Diễm	1969	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động hóa
19	Nhữ Anh Dũng	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
20	Nguyễn Hữu Dĩnh	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Cơ học kỹ thuật
21	Phạm Thị Thúy	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Cơ học vật thể rắn
22	Lưu Thành Công	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Sửa chữa bảo trì
23	Trương Minh Hải	1972	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
24	Từ Mạnh Chiến	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
25	Đậu Văn Sơn	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
26	Lê Đăng Khánh	1983	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật điện và điều khiển
27	Nguyễn Thị Kim Loan	1964	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế
28	Phạm Thế Hưng	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế
29	Nguyễn Cảnh Sơn	1956	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động điều khiển tàu biển
30	Nguyễn Huy Hào	1970	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động hóa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
31	Phạm Hữu Tân	1960	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tự động hóa và điều khiển
32	Trương Văn Đạo	1965	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Khai thác, bảo trì tàu thủy
33	Đặng Công Xưởng	1965	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Tổ chức và quản lý vận tải
34	Vũ Trụ Phi	1961	Nam	Giảng viên cao cấp	TS	Kinh tế
35	Nguyễn Doãn Hoài	1968	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
36	Bùi Thanh Huân	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
37	Đào Quang Dân	1971	Nam	Giảng viên chính	Th.S	An toàn hàng hải
38	Phạm Vũ Tuấn	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	An toàn hàng hải
39	Hoàng Văn Mười	1967	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
40	Đỗ Minh Phong	1964	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
41	Ngô Ngọc Lân	1968	Nam	Giảng viên chính	TS	Chất lượng và độ tin cậy
42	Võ Đình Phi	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
43	Phạm Văn Dũng	1967	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
44	Bùi Quốc Tú	1963	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Thiết bị năng lượng tàu thủy
45	Trương Thế Hình	1963	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Tổ chức kỹ thuật vận tải
46	Trần Văn Lâm	1959	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế
47	Phan Thị Bích Ngọc	1972	Nữ	Giảng viên chính	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
48	Huỳnh Ngọc Oánh	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Tổ chức kỹ thuật vận tải
49	Vũ Lê Ninh	1961	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế
50	Bùi Thanh Tùng	1963	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế VTB
51	Lương Nhật Hải	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Kinh tế vận tải
52	Phạm Văn Đôn	1968	Nam	Giảng viên chính	TS	Ngôn ngữ học
53	Phạm Gia Tuyết	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	An toàn hàng hải
54	Mai Minh Mạnh	1962	Nam	Giảng viên chính	Th.S	An toàn hàng hải
55	Nguyễn Văn Quảng	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
56	Nguyễn Đức Hạnh	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
57	Lã Văn Hải	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm ATHH
58	Lê Quang Vinh	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
59	Nguyễn Quang Duy	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
60	Vũ Văn Linh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
61	Trần Thanh Bình	1962	Nam	Giảng viên	ĐH	Điều khiển tàu biển
62	Lê Quốc An	1971	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
63	Đinh Gia Huy	1987	Nam	Giảng viên	TS	Hệ thống kỹ thuật an toàn Hàng hải
64	Nguyễn Đức Long	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
65	Vũ Sơn Tùng	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học Hàng hải
66	Nguyễn Đình Hải	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
67	Trịnh Xuân Tùng	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
68	Lê Thành Đạt	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Hệ thống giao thông Hàng hải
69	Lê Quang Huy	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
70	Phạm Trung Đức	1971	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
71	Nguyễn Văn Thịnh	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
72	Đỗ Văn Long	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
73	Nguyễn Anh Tuấn	1993	Nam	Giảng viên	ĐH	Điều khiển tàu biển
74	Nguyễn Xuân Long	1974	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
75	Mai Xuân Hương	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
76	Lương Tú Nam	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học và Công nghệ Hàng hải
77	Ngô Như Tại	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Quản lý Logistics
78	Nguyễn Thanh Diệu	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
79	Đặng Đình Chiến	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
80	Nguyễn Trung Chính	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
81	Bùi Đăng Khoa	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
82	Bùi Quang Khánh	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Quản lý năng lượng hàng hải
83	Phạm Quang Thủy	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
84	Phạm Tất Tiệp	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
85	Bùi Văn Hưng	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
86	Quách Thanh Chung	1973	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
87	Hoàng Xuân Bằng	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
88	Phạm Văn Luân	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Điều khiển tàu biển
89	Nguyễn Thành Trung	1974	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
90	Lương Duy Đông	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật biển
91	Mai Thế Trọng	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
92	Chu Văn Thủy	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
93	Đoàn Tân Rường	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
94	Hoàng Văn Vinh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
95	Phạm Văn Linh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
96	Nguyễn Trung Dũng	1976	Nam	Giảng viên	TS	Kĩ thuật máy
97	Tô Trọng Hiến	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
98	Cao Văn Bính	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
99	Nguyễn Văn Ba	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
100	Vũ Đức Năng	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
101	Đặng Thanh Tùng	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
102	Nguyễn Hữu Thư	1992	Nam	Giảng viên	ĐH	Khai thác máy tàu thủy
103	Hoàng Anh Dũng	1984	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật nhiệt và lỏng
104	Vũ Văn Mừng	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
105	Nguyễn Chung Thật	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác máy tàu biển
106	Vũ Đức Anh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
107	Nguyễn Mạnh Hùng	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác máy tàu biển
108	Trần Bảo Ngọc	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Khai thác máy tàu biển
109	Phạm Minh Ngọc	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	Kỹ thuật truyền nhiệt và thủy động cơ học
110	Trần Văn Thắng	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
111	Hoàng Kim Cường	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
112	Phạm Anh Đức	1987	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác máy tàu biển
113	Đoàn Văn Cảnh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác, bảo trì tàu thủy
114	Trần Tiến Anh	1987	Nam	Giảng viên	TS	Kỹ thuật Hàng hải
115	Nguyễn Hữu Dũng	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
116	Nguyễn Văn Hoài	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Khai thác bảo trì tàu thủy
117	Phạm Việt Hùng	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
118	Hồ Thị Thu Lan	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế vận tải
119	Bùi Xuân Trường	1974	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế vận tải
120	Trương Thị Minh Hằng	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức kỹ thuật vận tải
121	Nguyễn Sơn	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Kế hoạch và quản lý vận tải
122	Dương Anh Minh	1991	Nam	Giảng viên	Th.S	Quản lý vận tải và Logistics
123	Nguyễn Minh Phương	1992	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
124	Hoàng Thị Minh Hằng	1994	Nữ	Giảng viên	Đh	Kinh tế vận tải biển
125	Nguyễn Thị Mai Anh	1991	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
126	Phan Minh Tiến	1994	Nam	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
127	Nguyễn Thị Thùy Dương	1995	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
128	Bùi Thanh Hải	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
129	Nguyễn Thị Thanh Bình	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
130	Lê Văn Thanh	1985	Nam	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
131	Phạm Thị Quỳnh Mai	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế vận tải biển
132	Nguyễn Thị Hường	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
133	Nguyễn Thị Hương Giang	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
134	Hoàng Thị Lịch	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
135	Vũ Phương Thảo	1994	Nữ	Giảng viên	Th.S	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng
136	Phạm Minh Thúy	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế Hàng hải và toàn cầu hóa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
137	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế Hàng hải và toàn cầu hóa
138	Nguyễn Thị Thúy Hồng	1974	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
139	Phạm Thị Thu Hằng	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức và quản lý vận tải
140	Nguyễn Bích Ngọc	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế
141	Vương Thu Giang	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tổ chức quản lý tải
142	Phạm Thị Hằng Nga	1994	Nữ	Giảng viên	ĐH	Kinh tế vận tải biển
143	Nguyễn Thị Nha Trang	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị chuỗi cung ứng
144	Đỗ Như Quỳnh	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng
145	Trần Thị Minh Trang	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Dịch vụ hậu cần và quản lý chuỗi cung ứng
146	Nguyễn Thị Thu Huyền	1991	Nữ	Giảng viên	Th.s	Logistics
147	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1976	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
148	Đỗ Thị Phương Lan	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ
149	Đoàn Văn Huân	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
150	Nguyễn Đình Quý	1967	Nam	Giảng viên	Th.S	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh
151	Lê Thùy Tâm	1974	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ
152	Đoàn Thị Thanh Thủy	1963	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
153	Phạm Thị Quỳnh Trâm	1992	Nữ	Giảng viên	ĐH	SP Tiếng Anh
154	Nguyễn Thị Minh Anh	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	Ngôn ngữ Anh
155	Đỗ Hữu Trường	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh
156	Nguyễn Đình Duy	1991	Nam	Giảng viên	ĐH	Tiếng Anh thương mại
157	Ngô Ngọc Trâm	1993	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh
158	Hoàng Thị Thu Hà	1972	Nữ	Giảng viên	TS	Ngôn ngữ học
159	Trần Ngọc Diệp	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ Việt Nam
160	Đào Thanh Hương	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ học ứng dụng
161	Nguyễn Thị Thảo	1991	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh
162	Nguyễn Thị Thúy Thu	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
163	Nguyễn Thị Huyền Trang	1986	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
164	Nguyễn Thị Phượng	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
165	Nguyễn Thị Thảo Linh	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Quản lý dạy học ngôn ngữ
166	Nguyễn Phương Hạnh	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
167	Vũ Minh Hoa	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
168	Phạm Thùy Linh	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	SP Tiếng Anh
169	Phạm Thị Minh Trang	1995	Nữ	Giảng viên	ĐH	SP Tiếng Anh
170	Bùi Thị Thúy Nga	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh
171	Nguyễn Hoài Đức	1972	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
172	Nguyễn Hồng Ánh	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
173	Vũ Thị Thúy	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
174	Lê Thị Hiền Thảo	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
175	Lê Thị Hồng Loan	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
176	Phùng Thị Mai Trang	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
177	Lưu Thị Quỳnh Hương	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Ngôn ngữ ứng dụng
178	Đỗ Thị Anh Thư	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
179	Ngô Thị Nhân	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng Anh
180	Phạm Thị Thu Hằng	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Tiếng anh
181	Phạm Thị Ngọc Thanh	1993	Nữ	Giảng viên	ĐH	SP Tiếng Anh
182	Nguyễn Cảnh Lam	1987	Nam	Giảng viên	TS	Kinh tế vận tải và Hàng hải
183	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	1981	Nữ	Giảng viên	Th.S	Anh
184	Trần Quốc Chuẩn	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
185	Đặng Quang Việt	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Bảo đảm an toàn hàng hải
186	Nguyễn Trí Luận	1972	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải
187	Trần An Dương	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	An toàn hàng hải

Giảng viên cơ hữu môn chung

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Phan Văn Chiêm	1965	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Triết
2	Bùi Quốc Hưng	1972	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Triết học
3	Đặng Ngọc Lựu	1968	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Triết học
4	Mạc Văn Nam	1966	Nam	Giảng viên chính	Th.S	Triết học
5	Phan Duy Hòa	1978	Nam	Giảng viên chính	Th.S	CNXH Khoa học
6	Phạm Văn Minh	1963	Nam	Giảng viên chính	TS	Phương trình vi phân
7	Hoàng Văn Hùng	1956	Nam	Giảng viên chính	TS	Giải tích toán
8	Nguyễn Đình Dương	1980	Nam	Giảng viên	TS	Toán Ứng dụng
9	Quách Thị Hà	1980	Nữ	Giảng viên	TS	Kinh tế chính trị
10	Ngô Văn Thảo	1964	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế chính trị
11	Trần Việt Dũng	1978	Nam	Giảng viên	TS	Triết học
12	Mai Thị Mến	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Triết học
13	Nguyễn Thị Kim Hồng	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Triết học
14	Nguyễn Thị Thanh	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế chính trị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
15	Bùi Thúy Tuyết Anh	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Kinh tế chính trị
16	Nguyễn Thị Thu Lan	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Triết học
17	Trương Thị Anh Đào	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục học
18	Hoàng Bích Thủy	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Triết học
19	Phạm Thị Xuân	1974	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lịch sử Đảng
20	Phạm Thị Thu	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lịch sử Đảng
21	Trần Hoàng Hải	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Kinh tế chính trị
22	Phạm Thị Thu Trang	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lịch sử ĐCSVN
23	Vũ Thị Duyên	1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	
24	Nguyễn Thúy Dương	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lịch sử
25	Nguyễn Thị Thanh Sâm	1984	Nữ	Giảng viên	TS	Lịch sử
26	Trương Thị Như	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Hồ Chí Minh học
27	Hoàng Thị Bích Phương	1986	Nữ	Giảng viên	ĐH	
28	Vũ Thị Liên	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
29	Nguyễn Văn Nhật	1990	Nam	Giảng viên	Th.S	CNXH Khoa học
30	Vũ Phú Dưỡng	1976	Nam	Giảng viên	Th.S	Triết học
31	Đồng Xuân Cường	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Toán học
32	Nguyễn Thị Hằng	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Đảm bảo toán
33	Phạm Thị Thu Hoài	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán
34	Nguyễn Thị Đỗ Hạnh	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán
35	Lê Thanh Hoa	1983	Nữ	Giảng viên	Th.S	Đại số và lý thuyết số
36	Tạ Quang Đông	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Toán Ứng dụng
37	Nguyễn Văn Trịnh	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
38	Phạm Quang Khải	1986	Nam	Giảng viên	Th.S	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
39	Phạm Thị Ngọc Hà	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục khoa học công nghệ (Toán học)
40	Nguyễn Lê Hương	1984	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán giải tích
41	Lê Đào Hải An	1979	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán học
42	Vũ Thị Vân	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán giải tích
43	Mai Văn Thi	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Toán học
44	Đặng Văn Thu Thủy	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán giải tích
45	Phạm Kim Phượng	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán giải tích
46	Nguyễn Văn	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Toán học
47	Vũ Tuấn Anh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Toán học
48	Đỗ Thị Hạnh	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán giải tích
49	Hoàng Kim Chi	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán học
50	Lê Thị Thúy	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Toán Kinh tế
51	Nguyễn Ngọc Khải	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý vô tuyến

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
52	Nguyễn Thế Hưng	1982	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
53	Nguyễn Thị Minh Ngọc	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vật lý vô tuyến
54	Lê Mỹ Phượng	1978	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vật lý vô tuyến
55	Vũ Thị Trà	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Lý
56	Phạm Đồng Bằng	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý
57	Nguyễn Thị Xuân	1982	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vật lý
58	Nguyễn Văn Minh	1979	Nam	Giảng viên	Th.S	Khoa học vật liệu
59	Nguyễn Anh Đức	1989	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý chất rắn
60	Đỗ Lệ Quyên	1988	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
61	Nguyễn Thị Nhân	1989	Nữ	Giảng viên	Th.S	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
62	Nguyễn Trọng Tâm	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý quang học, nguyên tử và công nghệ
63	Nguyễn Tất Thắng	1983	Nam	Giảng viên	Th.S	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
64	Phạm Văn Tuất	1973	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục học
65	Đỗ Quân Tùng	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Huấn luyện giảng dạy Thể dục
66	Trần Văn Nhật	1975	Nam	Giảng viên	Th.S	Huấn luyện giảng dạy Thể dục
67	Phạm Thanh Tùng	1977	Nam	Giảng viên	Th.S	Huấn luyện giảng dạy Thể dục
68	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1975	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
69	Nguyễn Thị Xuân Huyền	1980	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
70	Phạm Văn Xường	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
71	Nguyễn Thái Bình	1978	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
72	Vũ Đức Vinh	1980	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
73	Nguyễn Đức Chính	1981	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
74	Phạm Thị Oanh	1977	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
75	Hoàng Tuấn Anh	1988	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao
76	Nguyễn Thị Thủy	1987	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
77	Nguyễn Thị Thương	1985	Nữ	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất
78	Trần Xuân Ngọc	1984	Nam	Giảng viên	Th.S	Giáo dục thể chất

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	13.68
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	15.34
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	19.83

Hải Phòng, ngày tháng 10 năm 2018.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Lương Công Nhì*